

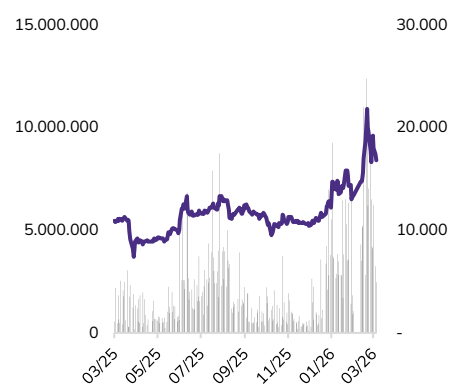
Lê Thị Kim Huệ

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Dầu khí
Ngày báo cáo	: 01/04/2026
Giá hiện tại (VND/CP)	: 17.300
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 1.412
SLCPLH (CP)	: 44.962.864

DIỄN BIẾN GIÁ



Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	0,3%	58,4%
Tăng trưởng LNST (%)	N/A	229,8%
Biên LNG (%)	6,4%	7,5%
Biên LNST (%)	0,3%	0,6%
ROA (%)	0,2%	0,4%
ROE (%)	0,3%	1,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	0,40	0,70
EPS (VND/CP)	33	123
BVPS (VND/CP)	11.496	11.776

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Hưởng lợi từ chu kỳ ngành dầu khí hồi phục mạnh nhưng triển vọng đã phần nào phản ánh vào giá

- **Nhìn lại giai đoạn 2022-2024: Phục hồi mạnh trong năm 2022-2023 nhưng sụt giảm mạnh năm 2024.** Cụ thể:
 - ✓ Doanh thu thuần (DTT) của PVC năm 2022 đạt 2.934 tỷ đồng (+6,3% svck), LNST cổ đông công ty mẹ đạt 11,5 tỷ đồng (+51,9% svck).
 - ✓ Năm 2023 tiếp tục phục hồi với DTT đạt 3.222 tỷ đồng (+9,8% svck), trong đó lĩnh vực dịch vụ đạt 1.100 tỷ đồng (+10% svck, chiếm 34,4% cơ cấu DTT) & lĩnh vực kinh doanh đạt 2.100 tỷ đồng (+10,5% svck, chiếm 65,6% cơ cấu DTT). LNST cổ đông công ty mẹ đạt 20,5 tỷ đồng (+78,1% svck).
 - ✓ Sự hồi phục tích cực trong giai đoạn 2022-2023 là do công ty ký kết, thực hiện nhiều hợp đồng có giá trị lớn với các nhà thầu dầu khí trong việc cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, cung cấp hoá chất khoan, khai thác, hoá chất lọc dầu....
 - ✓ Năm 2024, KQKD sụt giảm mạnh. DTT đạt 2.957 tỷ đồng (-8,2% svck), trong đó lĩnh vực kinh doanh duy trì ổn định với DTT đạt 2.261 tỷ đồng (+7,7% svck, chiếm 77,1% cơ cấu DTT) nhưng lĩnh vực dịch vụ suy giảm mạnh về 673 tỷ đồng (-38,8% svck, chiếm 22,9% cơ cấu DTT). LNG đạt 197,4 tỷ đồng (-11,3% svck), biên LNG giảm nhẹ về 6,7% (-0,2 điểm % svck). LNST cổ đông công ty mẹ sụt giảm mạnh về còn 3,3 tỷ đồng (-83,9% svck). KQKD kém khả quan trên là do:

(i) Lĩnh vực kinh doanh: các Nhà máy sản xuất nhựa trong nước đi vào hoạt động thương mại nên nhu cầu hạt nhựa nhập khẩu giảm mạnh;

(ii) Lĩnh vực dịch vụ: Khối lượng công việc thực hiện năm 2024 giảm, do số lượng giếng khoan thuê dịch vụ của các nhà thầu dầu khí giảm và kế hoạch khoan của một số nhà thầu chuyển sang năm 2025 do không thu xếp được giàn khoan. Đồng thời sức ép cạnh tranh và áp lực giảm giá dịch vụ khi đấu thầu là một trong các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận năm 2024;

(iii) Diễn biến tỷ giá USD/VND biến động cũng ảnh hưởng trực tiếp tới HĐSXKD của PVC do một số đơn vị nhập khẩu hóa phẩm vật tư bằng USD nhưng một số hợp đồng lại ký với khách hàng bằng tiền đồng.

- Năm 2025, KQKD bút phá, doanh thu & lợi nhuận đều lên mức cao nhất 10 năm qua:
 - ✓ DTT tăng mạnh, đạt 5.127 tỷ đồng (+73,4% svck), LNG đạt 344 tỷ đồng (+74,4% svck), biên LNG duy trì đi ngang svck ở mức 6,7%. Chi phí bán hàng & QLDN tăng mạnh lên 266 tỷ đồng (+35,2% svck), chủ yếu do chi phí nhân viên tăng svck.
 - ✓ Doanh thu tài chính giảm mạnh về còn 20,1 tỷ đồng (-33,1% svck), chủ yếu do lãi tỷ giá giảm mạnh. Trong khi đó, chi phí tài chính lại tăng mạnh lên 26 tỷ đồng (+163,7% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay tăng lên 19 tỷ đồng (+529,1% svck) khi PVC tăng mạnh nợ vay ngắn hạn trong kỳ. Nhìn chung, hoạt động tài chính năm 2025 của PVC vẫn bị lỗ ròng 6,1 tỷ đồng, trong khi 2 năm trước đó lãi ròng. Ngoài ra, lợi nhuận hoạt động khác cũng giảm mạnh về còn 1,1 tỷ đồng (-82,2% svck).
 - ✓ **Kết quả, LNST cổ đông công ty mẹ đạt 32,5 tỷ đồng (+884% svck). Kết quả khả quan trên là do:**

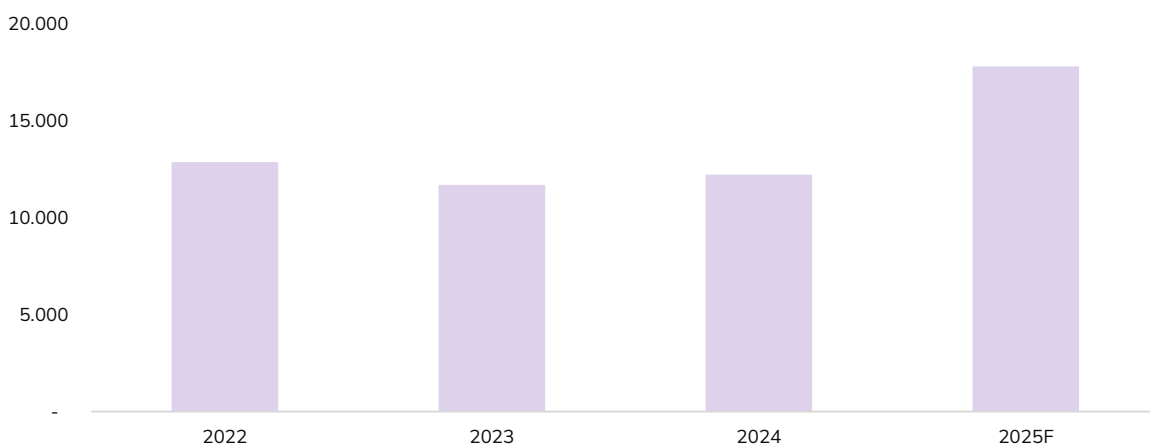
i) Mảng hoạt động cung cấp dung dịch khoan, hóa chất khai thác (vốn có tỷ suất lợi nhuận cao) tăng trưởng mạnh (kế hoạch khoan năm 2024 của nhiều nhà thầu đã chuyển sang năm 2025);

ii) Đẩy mạnh mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực thương mại – hóa chất – vật liệu, giúp gia tăng quy mô doanh thu và giảm phụ thuộc vào dịch vụ truyền thống. Năm 2025, PVC đã mở rộng ngành nghề kinh doanh kim loại; nhiên liệu sinh học Ethanol; tro xỉ/tro bay; khí công nghiệp; đồng thời phát triển các dịch vụ kỹ thuật tiềm năng như cung cấp búa thủy lực (jar), máy ly tâm (centrifuge)... Song song đó, PVC đẩy mạnh hoạt động kinh doanh quốc tế, đặc biệt là kinh doanh sản phẩm PP và các sản phẩm xuất khẩu khác, đóng góp đáng kể vào tăng trưởng doanh thu và hình thành các động lực phát triển mới cho Tổng công ty. Bên cạnh đó, PVC thử nghiệm thành công hệ dung dịch khoan gốc nước Pro-Drill, mở ra bước ngoặt quan trọng về tự chủ công nghệ - làm chủ giải pháp - nâng tầm năng lực dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh.

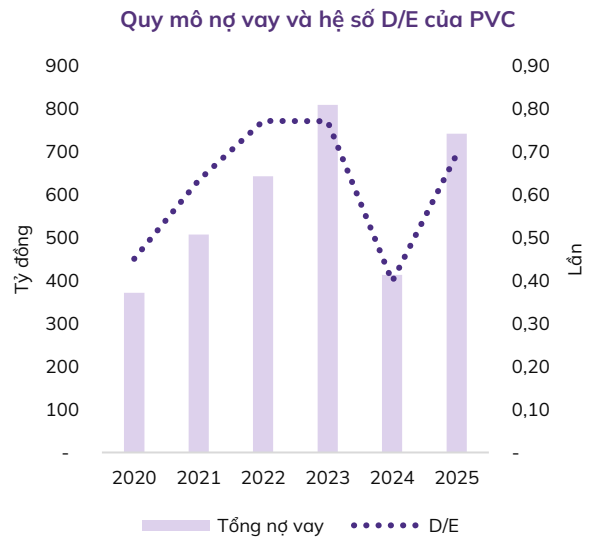
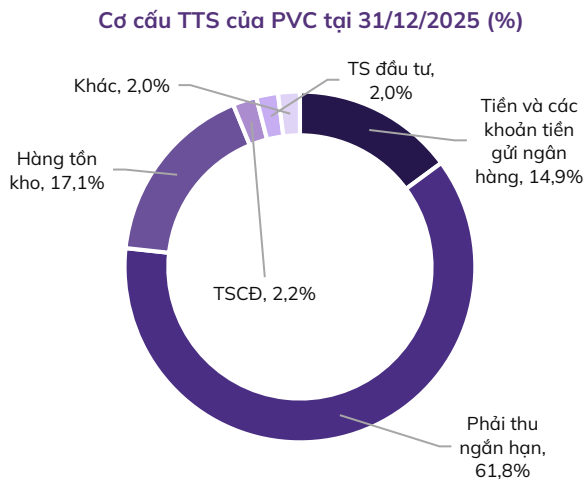
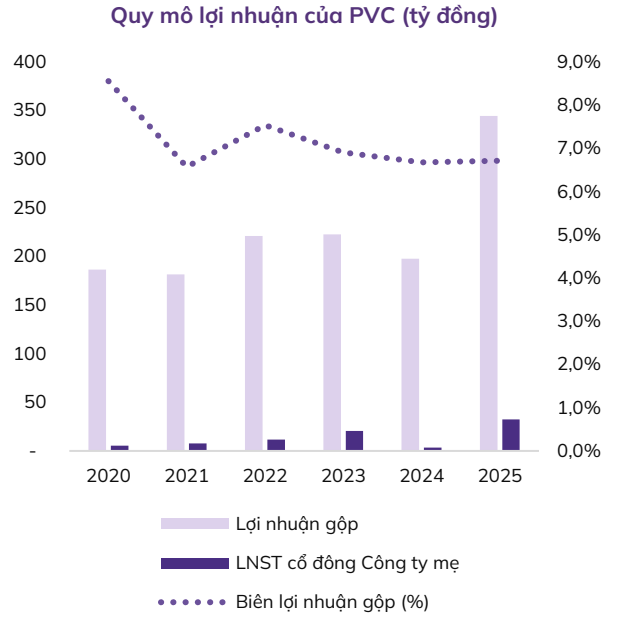
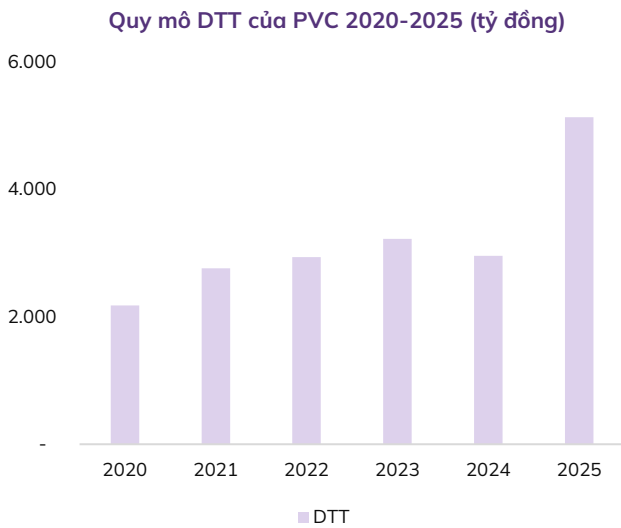
KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025 & 2025 CỦA PVC

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	1.013	1.605	58,4%	2.957	5.127	73,4%
Lợi nhuận gộp	65	120	84,5%	197	344	74,4%
Biên LN gộp	6,4%	7,5%		6,7%	6,7%	
Chi phí BH & QLDN	(58)	(99)	72,3%	(196)	(266)	35,2%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	5,7%	6,2%		6,6%	5,2%	
Doanh thu tài chính	10.0	4.5	-55,5%	30.1	20.1	-33,1%
Chi phí tài chính	(4)	(2)	-58,8%	(10)	(26)	163,7%
Chi phí lãi vay	(1)	(4)	334,0%	(3)	(19)	529,1%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	13	23	78,8%	21	72	242,9%
Lợi nhuận trước thuế	15	22	47,2%	28	74	167,4%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	3	10	229,8%	3	32	884,0%
Biên LN ròng	0,3%	0,6%		0,1%	0,6%	

Sản lượng sản xuất của PVC (tấn)



Nguồn: PVC, FiinPro, ABS Research



Nguồn: PVC, FiinPro, ABS Research

Tình hình tài chính - ở mức an toàn:

- ✓ **Lượng tiền giảm nhưng vẫn dồi dào.** Tại 31/12/2025, PVC có 421 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (-32,5% so với cuối năm 2024), chiếm 14,9% cơ cấu TTS. Lượng tiền giảm chủ yếu do PVC gia tăng vốn lưu động để phục vụ tăng trưởng, bao gồm mở rộng quy mô hàng tồn kho và khoản phải thu trong bối cảnh doanh thu tăng mạnh. Lượng tiền vẫn dồi dào, giúp PVC có thể chủ động trong các hoạt động kinh doanh.
- ✓ **Các khoản phải thu ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ đạo & tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 61,8% cơ cấu TTS, tương đương 1.747 tỷ đồng (+107% so với cuối năm 2024). Diễn biến này chủ yếu đến từ việc PVC đẩy mạnh hoạt động kinh doanh và mở rộng các mảng thương mại, đồng thời chấp nhận nới lỏng điều khoản tín dụng thương mại để thúc đẩy doanh số giúp doanh thu tăng trưởng mạnh trong năm 2025. Đây là đặc điểm thường thấy ở các doanh nghiệp có tỷ trọng mảng thương mại lớn, nơi tăng trưởng doanh thu đi kèm với nhu cầu vốn lưu động cao. Tỷ trọng phải thu ở mức cao cũng đặt ra một số rủi ro như áp lực lên dòng tiền hoạt động & rủi ro thu hồi công nợ. Trong năm 2025, PVC đã phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi 42,7 tỷ đồng.
- ✓ **Hàng tồn kho cũng gia tăng.** Tại 31/12/2025, lượng hàng tồn kho của PVC trị giá 482 tỷ đồng (+16% so với thời điểm cuối năm 2024) và chiếm 17,1% cơ cấu TTS, chủ yếu là hàng hóa, hàng gửi đi bán và chi phí SXKD dở dang tăng. Sự gia tăng

tồn kho là hệ quả hợp lý của chiến lược mở rộng hoạt động và tích lũy đơn hàng, nhưng cũng đi kèm một số rủi ro như áp lực lên dòng tiền, rủi ro biến động giá hàng hóa. Trong năm 2025, PVC đã phải trích bổ sung giảm giá hàng tồn kho thêm 4,2 tỷ đồng (tổng dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm 2025 là 58,9 tỷ đồng).

- ✓ **Nợ vay ngắn hạn gia tăng nhưng đòn bẩy tài chính vẫn ở mức an toàn.** Tại 31/12/2025, Công ty có 743 tỷ đồng nợ vay ngắn hạn (+79,6% so với cuối năm 2024), hệ số D/E ở mức 0,69 lần. Diễn biến này chủ yếu phản ánh nhu cầu tài trợ vốn lưu động gia tăng trong bối cảnh doanh nghiệp mở rộng mạnh hoạt động kinh doanh, thể hiện qua việc các khoản phải thu và hàng tồn kho tăng đáng kể trong kỳ. Việc gia tăng nợ vay ngắn hạn cho thấy PVC đang sử dụng đòn bẩy tài chính để hỗ trợ tăng trưởng, đặc biệt đối với các mảng thương mại có đặc thù vòng quay vốn lớn nhưng biên lợi nhuận thấp, đòi hỏi nguồn vốn lưu động đáng kể để duy trì quy mô hoạt động.
- ✓ **Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của PVC biến động mạnh và thiếu ổn định,** chủ yếu chịu tác động bởi sự thay đổi của vốn lưu động. Đặc biệt, năm 2025 ghi nhận CFO âm sâu 529,5 tỷ đồng do doanh nghiệp gia tăng mạnh các khoản phải thu và hàng tồn kho nhằm phục vụ tăng trưởng doanh thu. Điều này cho thấy tăng trưởng lợi nhuận hiện tại đi kèm với áp lực dòng tiền đáng kể, phản ánh chất lượng tăng trưởng chưa thực sự bền vững và phụ thuộc lớn vào khả năng quản trị vốn lưu động.

- **Triển vọng và Dự báo:**

Triển vọng 2026 của PVC tích cực, được hỗ trợ bởi sự phục hồi của hoạt động khoan dầu khí, các hợp đồng cung ứng hóa chất dài hạn và chiến lược mở rộng sang lĩnh vực công nghiệp khí – hóa chất:

- ✓ **Chu kỳ ngành dầu khí đang phục hồi mạnh với nhiều dự án lớn của ngành đang được thúc đẩy triển khai.**
 - Năm 2025, giải ngân vốn đầu tư của PVN đạt mức kỷ lục hơn 51.000 tỷ đồng (+45% svck, cao hơn 80% so với mức đỉnh trong năm 2015). Trong đó, đầu tư cho hoạt động E&P (lĩnh vực thượng nguồn) chiếm khoảng 45% tổng mức đầu tư của tập đoàn, nổi bật là dự án chiến lược Lô B - Ô Môn. Chi tiêu cho hoạt động E&P trong nước năm 2026 được dự báo tăng khoảng 60% svck, động lực chủ yếu đến từ quá trình giải ngân cho siêu dự án khí - điện Lô B - Ô Môn với tổng mức đầu tư gần 7 tỷ USD (dự kiến cho dòng khí đầu tiên vào Q3/2027). Nhiều dự án lớn khác của ngành cũng đang được thúc đẩy tiến độ như Sư Tử Trắng giai đoạn 2B, Lạc Đà Vàng, Đại Hùng Nam, Nam Du - U Minh, Khánh Mỹ - Đầm Dơi, Thiên Nga - Hải Âu....
 - Nhiều chính sách thuận lợi và tháo gỡ các điểm nghẽn về thủ tục và cơ chế đầu tư thúc đẩy lĩnh vực thượng nguồn bước vào chu kỳ tăng trưởng mới: i) Nghị quyết 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị nhấn mạnh phát triển năng lượng được ưu tiên cao nhất để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng liên tục trên 10% trong giai đoạn tới gắn với cam kết trung hòa carbon vào năm 2050, qua đó tạo nền tảng chiến lược cho các hoạt động E&P dầu khí trong nước; ii) Nghị quyết 79-NQ/TW ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị khẳng định vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong các lĩnh vực then chốt như an ninh năng lượng. Qua đó, tạo dư địa để PVN và các đơn vị thành viên được ưu tiên các nguồn lực để triển khai các dự án chiến lược, quy mô lớn, cũng như thúc đẩy tái cơ cấu, thoái vốn ngoài ngành và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; iii) Nghị quyết 66.6/2025/NQ-CP ngày 28/10/2025 của Chính phủ được xem là bước tiến quan trọng khi trao thêm quyền tự chủ cho PVN trong phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ dầu khí, giúp rút ngắn quy trình phê duyệt.
 - PVC là nhà cung cấp các dịch vụ hóa kỹ thuật hàng đầu cho các đơn vị trong và ngoài ngành dầu khí, là doanh nghiệp hoạt động độc quyền trong mảng cung ứng các hóa chất cho lĩnh vực dầu khí trong nước, nắm 70% thị phần dịch vụ dung dịch khoan trong nước. Chúng tôi cho rằng PVC có thể hưởng lợi lớn từ sự tăng trưởng của lĩnh vực E&P, đặc biệt là Dự án Lô B - Ô Môn, giúp tạo đột phá về doanh thu, lợi nhuận thời gian tới. Lượng backlog kỳ vọng tăng trưởng tốt trong thời gian tới khi các dự án điện khí, hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ dầu khí được thúc đẩy tiến độ.

- ✓ **Mảng hóa chất ghi nhận backlog lớn từ hợp đồng dài hạn** với Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP). Tháng 2/2026, PVC cùng CTCP Hóa chất Việt Trì (Vitrichem) đã ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp xút lỏng (NaOH) 50% cho Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP) trong giai đoạn 2026–2028. Thỏa thuận có thời hạn 3 năm, với tổng giá trị hơn 1.100 tỷ đồng & và tổng khối lượng khoảng 138.600 tấn. Đây là hợp đồng quy mô lớn, giúp PVC gia tăng backlog dài hạn, đảm bảo nguồn doanh thu ổn định trong 3 năm tới.
- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của PVC dự kiến đạt 36,7 tỷ đồng (+12,9% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 451 đ/cp & 12.100 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 38,32 và 1,43 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F dự kiến đạt 3,7%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PVC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	2.934	3.222	2.957	5.127
Giá vốn hàng bán	-2.713	-2.999	-2.760	-4.783
Lợi nhuận gộp	221	222	197	344
Doanh thu tài chính	19	29	30	20
Chi phí tài chính	-26	-19	-10	-26
Chi phí bán hàng	-40	-34	-43	-51
Chi phí QLDN	-133	-163	-153	-214
Lợi nhuận từ HĐKD	40	36	21	72
Lãi/Lỗ khác	0	41	14	6
Lợi nhuận trước thuế	40	77	35	78
Lợi nhuận sau thuế	19	43	11	21
LNST cổ đông Công ty mẹ	12	20	3	32

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	-176	98	260	-529
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	63	-24	-77	-18
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	139	347	-412	317
LCT thuần trong kỳ	26	421	-229	-231
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	203	228	649	421
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	228	649	421	190

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,50	1,64	1,88	1,53
Khả năng thanh toán nhanh	1,23	1,40	1,45	1,24
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,25	0,57	0,62	0,24
Khả năng thanh toán lãi vay	15,57	19,53	12,38	5,04

Cơ cấu vốn	2022	2023	2024	2025
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,37	0,42	0,50	0,38
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,63	0,58	0,50	0,62
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0,77	0,77	0,40	0,69

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	130,3	128,9	113,9	85,9
Số ngày phải trả	48,4	48,2	45,1	36,9
Số ngày tồn kho	41,8	41,5	48,6	34,3

Khả năng sinh lời	2022	2023	2024	2025
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,5%	6,9%	6,7%	6,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	0,9%	0,6%	0,2%	1,4%
Tỷ suất LNST của CĐ Công ty mẹ	0,6%	1,3%	0,4%	0,4%
ROE	2,3%	4,6%	1,1%	2,0%
ROA	0,9%	1,8%	0,5%	0,9%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	228	649	421	190
+ Đầu tư ngắn hạn	123	156	203	231
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.338	1.158	844	1.747
+ Hàng tồn kho	364	318	416	482
+ Tài sản ngắn hạn khác	11	18	17	14
Tài sản ngắn hạn	2.064	2.300	1.901	2.664
+ Các khoản phải thu dài hạn	3	3	9	10
+ Tài sản cố định	146	130	70	62
+ Bất động sản đầu tư	0	0	62	57
+ Tài sản dở dang dài hạn	0	13	0	3
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	32	25	24	30
Tài sản dài hạn	182	172	165	162
Tổng Tài sản	2.246	2.472	2.065	2.826
+ Vay ngắn hạn	644	810	414	743
+ Nợ ngắn hạn khác	734	594	597	1.000
Nợ ngắn hạn	1.378	1.403	1.011	1.742
+ Vay dài hạn	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	34	19	17	14
Nợ dài hạn	34	19	17	14
Tổng nợ phải trả	1.412	1.422	1.027	1.756
+ Vốn cổ phần	500	812	812	812
+ Thặng dư vốn cổ phần	40	40	40	40
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	29	34	22	51
+ Quỹ khác	264	164	164	167
Vốn chủ sở hữu	833	1.050	1.038	1.070
Tổng cộng nguồn vốn	2.246	2.472	2.065	2.826

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	6,3%	9,8%	-8,2%	73,4%
Tăng trưởng LNNT	-4,2%	92,0%	-53,2%	156,3%
Tăng trưởng LNST	-12,4%	129,5%	-74,3%	88,2%
Tăng trưởng VCSH	4,0%	25,9%	-1,1%	3,1%
Tăng trưởng Tổng tài sản	24,0%	10,1%	-16,4%	36,8%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	66,3	60,0	577,8	29,4
P/B	0,8	1,3	0,9	0,95
EPS	181	250	18	384
BVPS	14.507	11.599	11.496	11.849

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Tu hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỖI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH ĐẦU TƯ



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây